

Thứ tư, ngày 23 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tâm lý thận trọng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 24/10/2019		•	
Tuần 21/10-25/10/2019		•	
Tháng 10/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường có một phiên giao dịch giằng co từ sáng đến chiều với tác động chủ yếu đến từ nhóm Bluechips. Thanh khoản thị trường suy giảm cùng với biên độ dao động hẹp báo hiệu tâm lý cẩn trọng trên thị trường. Trạng thái giao dịch của VN-Index cùng đồng thuận với đa số các thị trường trong khu vực khi các nhà đầu tư chú tâm theo dõi các cuộc đàm phán thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc. Bên cạnh đó, việc dự thảo luật chứng khoán không gây nhiều tranh cãi sẽ là tín tích cực cho việc ban hành luật. Từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam trong quá trình nâng hạng thị trường trong năm tới. Tâm lý giao dịch cẩn trọng dự kiến sẽ tiếp tục kéo dài đến khi có các thông tin khởi sắc hơn trong kỳ họp quốc hội hoặc các thông tin quốc tế.

Hợp đồng tương lai: Hợp đồng tương lai có sự phân hóa về giá. VN30F1911 và VN30F2003 đều tăng trong khi VN30F1912 và VN30F2006 đều giảm. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 23/10/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.

Danh mục i-Invest: Theme_Top 10 cổ phiếu VN30_0.6%. 12/17 danh mục Chủ đề có hiệu suất trong ngày Khả quan, trong đó có **11/17 danh mục** có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (0.1%). Đặc biệt, danh mục **Top 10 cổ phiếu VN30** - lựa chọn các cổ phiếu có biến động thấp trong nhóm VN30 - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.6%**.

Phân tích kỹ thuật: GMD_Hồi phục (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: TCM, KDH, TNG, TCB, BID

Điểm nhấn

- VN-Index **+0.60 điểm**, đóng cửa 987.79. HNX-Index **-0.36 điểm**, đóng cửa 104.14.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+0.48); VIC (+0.30); VRE (+0.24); HPG (+0.20); VPB (+0.18).**
- Kéo chỉ số giảm: **CTG (-0.16); HVN (-0.14); PLX (-0.11); GAS (-0.11); VCB (-0.11).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,672 tỷ đồng, giảm 15%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.09 điểm. Thị trường có 143 mã tăng, 62 mã tham chiếu và 157 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **8.92 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm ROS (17.0 tỷ), VJC (14.9 tỷ) và VJC (14.2 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **10.50 tỷ đồng.**

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

987.79

Giá trị: 2672.1 tỷ

0.6 (0.06%)

Khối ngoại (ròng): -8.92 tỷ

HNX-INDEX

104.14

Giá trị: 207.1 tỷ

-0.35 (-0.33%)

Khối ngoại (ròng): -10.5 tỷ

UPCOM-INDEX

56.60

Giá trị: 215.4 tỷ

-0.18 (-0.32%)

Khối ngoại (ròng): -3.46 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	53.8	-1.19%
Giá vàng	1,494	0.46%
Tỷ giá USD/VND	23,207	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,819	-0.20%
Tỷ giá JPY/VND	21,412	0.10%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	9.64%
LS TPCP 5 năm	2.6%	-1.92%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
ROS	16.8	PVD	-21.5
VJC	15.0	VHM	-18.9
PTB	14.2	SFI	-15.9
HDB	10.5	VNM	-10.7
SBT	10.3	HPG	-10.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **12/17 danh mục** Chủ đề có hiệu suất trong ngày Khả quan, trong đó có **11/17 danh mục** có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (0.1%). Đặc biệt, danh mục **Top 10 cổ phiếu VN30** - lựa chọn các cổ phiếu có biến động thấp trong nhóm VN30 - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.6%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **14/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **4/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Top 10 cổ phiếu VN30_0.6%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Top 10 cổ phiếu VN30	0.6%	-0.8%	0.7%	4.8%	8.3%	6.4%	71.5%
Chiến tranh thương mại	0.4%	-0.2%	-0.1%	-5.7%	-4.1%	-3.0%	6.6%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.4%	-0.9%	0.5%	9.6%	15.6%	9.6%	80.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.4%	-0.8%	-0.1%	5.6%	12.1%	12.4%	91.8%
Vật liệu Xây dựng	0.3%	1.2%	3.9%	1.8%	6.1%	3.8%	6.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.3%	-0.3%	-1.1%	-1.9%	-1.0%	5.9%	76.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.3%	-0.6%	0.3%	-5.7%	-2.1%	11.0%	45.7%
Hàng tiêu dùng	0.2%	-0.7%	0.1%	4.8%	9.3%	9.8%	63.4%
BĐS & Khu công nghiệp	0.2%	-0.3%	-0.7%	0.5%	2.2%	2.3%	59.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.2%	-1.5%	3.5%	6.1%	4.7%	-0.3%	38.4%
Ngân hàng	0.1%	-2.2%	3.6%	9.1%	10.8%	8.7%	82.3%
Lãi suất giảm	0.0%	-0.8%	0.6%	-1.6%	1.7%	1.1%	50.8%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.0%	-0.5%	3.0%	-0.8%	-2.0%	-5.5%	-5.3%
Nước & Năng lượng	-0.2%	-1.5%	-2.9%	-3.9%	-2.3%	6.8%	49.6%
Dầu khí	-0.2%	-1.4%	-3.5%	-7.5%	-7.7%	-9.0%	7.5%
Xây dựng	-0.4%	-3.1%	-3.7%	-4.0%	-8.1%	-13.5%	22.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.4%	-1.9%	-0.6%	-8.0%	-11.9%	-15.6%	39.2%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 3	0.6%	-0.3%	-0.2%	1.8%	0.2%	-4.3%	27.1%
Danh mục 14	0.5%	-1.1%	0.4%	3.4%	4.3%	0.5%	40.9%
Danh mục 15	0.4%	0.0%	3.1%	4.4%	9.6%	9.1%	82.4%
Danh mục 4	-0.2%	-1.7%	1.2%	1.6%	5.3%	-6.9%	22.8%
Danh mục 10	-0.2%	-2.5%	-3.4%	2.4%	8.5%	3.0%	61.0%
* Note	14/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 23	0.8%	0.1%	2.3%	0.8%	2.3%	7.1%	108.8%
Danh mục 19	0.2%	-0.9%	2.4%	7.9%	12.1%	17.7%	61.4%
Danh mục 22	0.0%	-2.2%	-0.6%	9.5%	15.4%	11.2%	75.5%
Danh mục 21	0.0%	-1.7%	0.0%	3.7%	6.8%	2.1%	42.5%
Danh mục 25	0.0%	-1.6%	-1.2%	-2.5%	8.3%	22.0%	161.6%
* Note	4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan						

INDEX							
VNINDEX	0.1%	-0.7%	0.0%	-0.7%	1.1%	2.5%	44.7%
VN30INDEX	0.3%	-0.5%	1.0%	3.3%	3.5%	-1.9%	40.8%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

10/23/2019

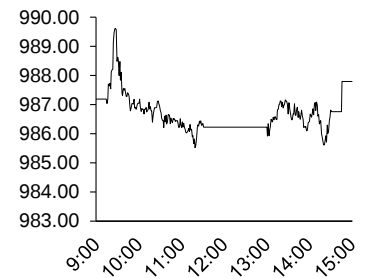
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

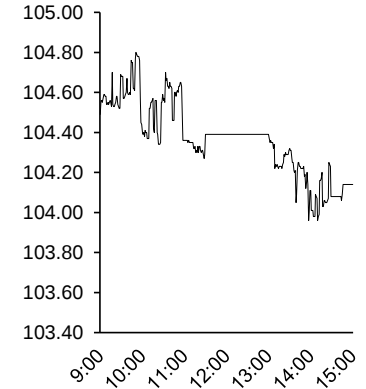
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-2.8%
Dầu khí	-0.7%
Xây dựng và Vật liệu	-0.4%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.4%
Du lịch và Giải trí	-0.3%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.2%
Dịch vụ tài chính	-0.1%
Viễn thông	0.0%
Ngân hàng	0.0%
Ô tô và phụ tùng	0.0%
Bán lẻ	0.0%
Công nghệ Thông tin	0.1%
Bảo hiểm	0.1%
Bất động sản	0.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.1%
Y tế	0.2%
Thực phẩm và đồ uống	0.2%
Hóa chất	0.5%
Tài nguyên Cơ bản	0.8%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

GMD_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy dài hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: tăng dần trên mốc 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: GMD đã có sự hồi phục trở lại trong phiên hôm nay sau khi tích lũy ngắn hạn tại ngưỡng giá 26.5. Thanh khoản cổ phiếu đã có sự cải thiện. Hơn nữa, chỉ báo MACD đã xuất hiện Golden Cross, báo hiệu trạng thái tích cực của GMD trong thời gian tới. Đồng thời, RSI chưa chạm đến vùng quá mua, cho thấy dư địa tăng trong ngắn hạn vẫn còn nhiều. Tuy nhiên, do EMA12 vẫn đang ở dưới EMA26 nên GMD có thể chưa thoát ra được khỏi vùng tích lũy dài hạn tại khu vực 25 - 29. Dự kiến đợt hồi phục này có thể đẩy cổ phiếu trở lại vùng giá 28 - 28.5 trong ngắn hạn.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTPL).

Luận điểm đầu tư

Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019.

Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.

Rủi ro Đầu tư

Cạnh tranh khốc liệt các cảng ở khu vực cảng Hải Phòng.

Cảng Nam Hải nằm sâu trên thượng nguồn sông Cấm khó cho tàu hàng vào.

Dự án Gemalink phải vay 220 triệu USD nên áp lực lãi vay cao trong 1 - 2 năm đầu hoạt động khi sản lượng hàng hóa chưa đạt được điểm hòa vốn.

Chi tiết tham khảo BSC - iBroker: Express GMD 2019Q3

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

TCM_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

TNG_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 23/10/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 23/10	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	54.22	1.46%	2.66%	-7.54%	-18.38%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	59.47	0.76%	1.26%	-8.17%	-22.19%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.61	-0.38%	-0.53%	-4.63%	-12.58%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1490.59	0.30%	0.63%	-2.07%	21.15%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.54	-0.15%	1.00%	-5.83%	19.13%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	934.87	-0.05%	0.09%	4.75%	9.02%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	518.54	-1.29%	2.28%	7.36%	1.87%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.65	-0.05%	0.27%	2.14%	20.32%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	148.90	-0.07%	-1.13%	-9.87%	0.34%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.18	-0.73%	-3.26%	8.56%	-11.80%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.24	0.00%	3.18%	4.85%	-3.57%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	98.90	2.65%	4.71%	-0.10%	-18.33%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.63	-0.53%	0.84%	1.21%	-4.41%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3478.00	0.99%	-3.47%	-7.03%	-23.85%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1729.00	-0.52%	0.52%	-3.14%	-13.59%		CAV, SAM
Than đá	USD/ton	69.07	-0.43%	1.39%	-0.04%	-37.48%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Chốt phiên giao dịch đêm qua, dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 tăng 74 US cent, tương đương 1.3%, lên 59.70 USD/thùng, trong khi dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 11 tăng 85 US cent, tương đương 1.6%, lên 54.16 USD/thùng.

• Giá dầu tăng trong phiên vừa qua sau khi Trung Quốc thông báo về tiến trình đàm phán thương mại với Mỹ và OPEC cùng các đồng minh xem xét cắt giảm sản lượng nhiều hơn nữa. Tuy nhiên, đà tăng bị hạn chế bởi dự báo tồn trữ dầu thô của Mỹ sẽ tăng.

• OPEC cùng các đồng minh dầu mỏ đang xem xét liệu có quyết định cắt giảm hơn nữa sản lượng hay không tại cuộc họp sẽ diễn ra vào tháng 12 tới. Lý do bởi lo ngại nhu cầu suy yếu trong năm 2020.

• Phó Thủ tướng Trung Quốc, ông Lưu Hạc, thông báo Washington và Bắc Kinh đã đạt được nhiều tiến bộ trong các cuộc đàm phán thương mại, và các vấn đề có thể được giải quyết khi hai bên tôn trọng lẫn nhau. Giới đầu tư lại dấy lên lo ngại về việc mâu thuẫn thương mại giữa hai bên sẽ sớm kết thúc, nếu không thì tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2019 sẽ chậm lại còn 3% như dự đoán của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF).

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA giữ vững ở 1,484.6 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York giữ vững ở 1,487.5 USD/ounce.

• Giá vàng giữ vững trong phiên vừa qua bởi các nhà đầu tư giữ thái độ thận trọng trước cuộc bỏ phiếu đối với Brexit. Thị trường lúc này cũng tập trung vào việc liệu Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có hạ lãi suất thêm nữa hay không.

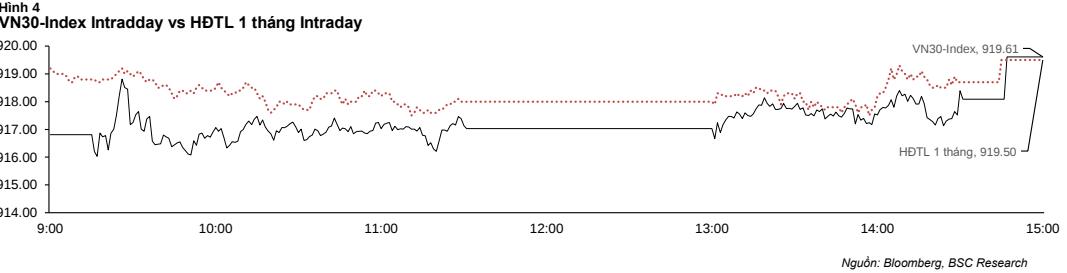
Giá quặng sắt

• Quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên tăng 0.8% đạt 616 CNY/tấn. Giá quặng sắt tại Trung Quốc tăng phiên thứ 3 liên tiếp bởi lo ngại về nguồn cung, sau khi một trong những mỏ của hãng khổng lồ Vale SA phải tạm dừng khai thác để xử lý đập nước và hãng này thông báo kế hoạch giảm xuất khẩu trong năm nay. Tuy nhiên, giá không tăng mạnh bởi nhu cầu của Trung Quốc yếu đi trong mùa Thu – Đông, khi hoạt động xây dựng chậm lại và có thể phải thực hiện nhiều quy định hạn chế để kiểm soát chất lượng không khí.

Giá nông sản

• Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE giảm 0.09 US cent (0.7%) xuống 12.18 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 1.5 USD (0.4%) xuống 335.8 USD/tấn. Trong những ngày qua, thị trường dấy lên lo ngại về triển vọng nhu cầu yếu, tồn trữ cao và sản lượng của Ấn Độ niên vụ 2020/21 có thể tăng. Sản lượng của Ấn Độ vụ 2019/20 có thể giảm nhưng năm 2020/21 sẽ được cải thiện.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1911	919.50	0.03%	-0.11	-5.8%	42755	11/21/2019	31
VN30F1912	918.80	-0.08%	-0.81	-79.7%	35	12/19/2019	59
VN30F2003	918.50	0.07%	-1.11	-79.2%	10	3/19/2020	150
VN30F2006	918.20	-0.01%	-1.41	-68.3%	13	6/18/2020	241

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +2.80 điểm lên mức 919.61 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MSN, VPB, HPG, HDB, và GMD tác động mạnh đến vận động tăng điểm của VN30. VN30 tăng vừa phải, vận động quanh vùng giá 916-918 điểm trong phần lớn thời gian, trước khi tăng mạnh cuối phiên. Thanh khoản tiếp tục giảm, đồng thời biên độ dao động tiếp tục duy trì tại mức thấp. VN30 có thể tiếp tục tích lũy dưới 920 điểm trong ngắn hạn.
- Hợp đồng tương lai có sự phân hóa về giá. VN30F1911 và VN30F2003 đều tăng trong khi VN30F1912 và VN30F2006 đều giảm. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1912, các hợp đồng khác đều giảm. Điều này báo hiệu việc điều chỉnh giảm trong trung hạn. Tuy vậy, nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CREE1902	SSI	1/22/2020	91	1:1	122,530	n/a	1.0 triệu	23.32%	5,600	5,700	n/a	1,996.60	2.85
CVJC1902	SSI	4/22/2020	182	1:1	31,010	n/a	1.0 triệu	15.60%	27,900	31,900	n/a	17,450.60	1.83
CREE1901	MBS	11/19/2019	27	3:1	137,060	-51.1%	3.0 triệu	23.32%	1,260	610	35.56%	148.70	4.10
CHPG1902	KIS	12/11/2019	49	5:1	151,370	86.8%	6.0 triệu	28.44%	1,000	120	20.00%	-	n/a
CHPG1905	SSI	12/30/2019	68	1:1	43,630	-28.4%	1.0 triệu	28.44%	3,300	2,140	7.00%	669.10	3.20
CHPG1906	KIS	11/14/2019	22	2:1	411,010	224.8%	5.0 triệu	28.44%	1,500	160	6.67%	-	n/a
CDPM1901	KIS	1/9/2020	78	1:1	10,850	-76.6%	1.5 triệu	26.96%	1,900	2,210	6.25%	949.10	2.33
CMSN1901	KIS	11/14/2019	22	5:1	108,340	-72.7%	1.8 triệu	22.87%	1,920	450	4.65%	0.70	642.86
CMWG1904	SSI	12/30/2019	68	1:1	25,210	-12.9%	1.0 triệu	20.14%	14,000	36,000	2.56%	33,993.10	1.06
CMWG1906	MBS	12/16/2019	54	5:1	59,750	-53.1%	3.0 triệu	20.14%	2,850	2,490	2.47%	1,107.70	2.25
CMWG1903	HSC	12/30/2019	68	5:1	32,000	-23.3%	2.0 triệu	20.14%	2,700	6,210	1.97%	5,798.00	1.07
CMBB1902	HSC	12/17/2019	55	1:1	67,520	-61.9%	1.0 triệu	16.85%	3,200	3,900	1.30%	1,371.60	2.84
CFPT1903	SSI	12/30/2019	68	1:1	8,980	-57.7%	2.0 triệu	20.26%	6,000	12,810	1.26%	11,468.90	1.12
CMWG1905	VCSC	12/9/2019	47	5:1	2,110	-77.7%	1.5 triệu	20.14%	5,600	6,310	1.12%	5,954.70	1.06
CMWG1902	VND	12/11/2019	49	4:1	23,360	-38.5%	2.4 triệu	20.14%	2,990	8,750	0.81%	8,443.00	1.04
CVRE1901	KIS	11/14/2019	22	2:1	57,980	-33.6%	2.5 triệu	26.01%	1,900	370	0.00%	-	n/a
CVJC1901	KIS	2/26/2020	126	10:1	11,930	2150.9%	5.0 triệu	15.60%	1,800	2,880	-0.35%	2,642.90	1.09
CNVL1901	KIS	2/7/2020	107	4:1	64,130	-60.3%	5.0 triệu	20.27%	1,900	2,260	-0.88%	578.70	3.91
CVNM1902	KIS	3/26/2020	155	10:1	10,990	-35.4%	5.0 triệu	18.92%	1,900	2,870	-2.38%	3,655.30	0.79
CSTB1901	KIS	1/9/2020	78	1:1	138,490	-54.6%	1.5 triệu	20.74%	1,390	1,570	-3.09%	536.70	2.93
CVHM1901	KIS	2/7/2020	107	4:1	8,010	-74.2%	5.0 triệu	26.92%	3,100	3,180	-3.64%	953.80	3.33
CFPT1904	MBS	11/19/2019	27	3:1	63,110	-36.6%	3.0 triệu	20.26%	1,700	1,810	-4.74%	1,491.60	1.21
CVNM1901	KIS	12/13/2020	417	10:1	603,720	-39.3%	5.0 triệu	18.92%	1,200	560	-8.20%	2.10	266.67
CVIC1901	KIS	11/14/2019	22	5:1	65,870	81.9%	2.0 triệu	20.94%	1,960	410	-18.00%	0.10	4,100.00
Tổng:					2,258,960		67.2 triệu	21.82%**					
Chú thích:					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
					**Trung bình độ lệch chuẩn								

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 23/10/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.
- Về giá, CREE1901 và CHPG1902 tăng mạnh nhất lần lượt là 35.56% và 20.00%. Thanh khoản thị trường giảm -4.52%. CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 27% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT và MWG, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CVNM1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	75.80	1.88	0.91
VPB	22.15	1.14	0.60
HPG	21.85	1.16	0.58
HDB	28.25	1.07	0.29
GMD	27.40	2.62	0.26

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	24.0	-0.21	-0.16
EIB	16.5	-0.60	-0.15
VNM	132.3	-0.15	-0.14
CTG	21.5	-0.69	-0.06
PNJ	82.8	-0.24	-0.05

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CREE1902	41,600	36,000	36,300
CVJC1902	157,900	130,000	144,000
CREE1901	41,330	37,550	36,300
CHPG1902	166,285	41,999	21,850
CHPG1905	93,300	23,100	21,850
CHPG1906	31,088	28,088	21,850
CDPM1901	15,888	13,988	14,400
CMSN1901	98,488	88,888	75,800
CMWG1904	165,000	90,000	123,200
CMWG1906	135,150	120,900	123,200
CMWG1903	25,800	95,000	123,200
CMBB1902	26,300	21,800	22,900
CFPT1903	56,154	45,140	56,400
CMWG1905	122,000	94,000	123,200
CMWG1902	48,130	90,000	123,200
CVRE1901	44,688	40,888	32,250
CVJC1901	163,678	145,678	144,000
CNVL1901	69,688	62,088	60,500
CVNM1902	152,333	133,333	132,300
CSTB1901	12,278	10,888	11,000
CVHM1901	102,288	89,888	85,900
CFPT1904	57,100	52,000	56,400
CVNM1901	46,340	156,285	132,300
CVIC1901	150,688	140,888	117,100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	123.2	0.1%	0.7	2,372	1.4	7,893	15.6	5.2	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	82.8	-0.2%	1.0	801	0.8	4,839	17.1	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	70.8	0.4%	1.3	2,158	0.2	1,505	47.0	3.2	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	32.7	-1.5%	0.7	329	0.1	2,801	11.7	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	117.1	0.3%	1.1	17,035	0.7	1,643	71.3	4.7	15.1%	8.3%
VRE	Bất động sản	32.3	1.1%	1.1	3,265	2.7	1,033	31.2	2.6	31.4%	8.8%
NVL	Bất động sản	60.5	0.0%	0.8	2,447	0.8	3,579	16.9	2.8	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	36.3	0.7%	1.0	489	0.9	5,261	6.9	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	15.8	0.0%	1.4	363	0.3	3,215	4.9	1.0	68.6%	25.9%
SSI	Chứng khoán	20.8	-0.5%	1.4	459	0.7	1,737	12.0	1.1	56.9%	10.9%
VCI	Chứng khoán	34.8	1.2%	1.0	249	0.1	5,067	6.9	1.6	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	22.2	0.2%	1.5	294	0.5	1,287	17.2	1.6	56.2%	10.2%
FPT	Công nghệ	56.4	0.2%	0.8	1,663	1.8	4,349	13.0	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	101.2	-0.2%	1.5	8,421	0.5	5,886	17.2	4.3	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	57.2	-0.5%	1.5	2,962	0.4	3,350	17.1	3.4	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	17.9	-0.6%	1.7	372	1.5	2,397	7.5	0.7	22.3%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.6	1.1%	0.8	1,294	0.6	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.7	-0.3%	0.5	533	0.1	4,535	20.7	3.9	54.3%	19.4%
DPM	Hóa chất	14.4	2.1%	0.7	245	0.2	650	22.2	0.7	19.1%	3.7%
DCM	Hóa chất	7.6	0.5%	0.6	174	0.0	897	8.4	0.6	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	85.3	-0.1%	1.3	13,755	2.0	5,274	16.2	3.9	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	40.1	0.3%	1.5	5,960	0.8	2,091	19.2	2.5	3.4%	13.7%
CTG	Ngân hàng	21.5	-0.7%	1.6	3,472	1.8	1,470	14.6	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	22.2	1.1%	1.2	2,366	5.2	3,341	6.6	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	22.9	0.2%	1.1	2,273	1.5	3,215	7.1	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	23.5	0.0%	1.1	1,657	1.0	4,469	5.3	1.2	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	53.2	-1.1%	0.9	189	0.5	5,017	10.6	1.8	79.1%	17.1%
NTP	Nhựa	37.3	-0.8%	0.3	145	0.0	4,603	8.1	1.4	20.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	16.9	1.8%	1.2	661	0.0	732	23.1	1.3	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.9	1.2%	1.0	2,623	6.6	2,760	7.9	1.4	37.5%	19.9%
HSG	Thép	7.1	-1.9%	1.5	130	1.3	425	16.6	0.6	17.0%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	132.3	-0.2%	0.8	10,017	4.9	5,465	24.2	8.1	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	252.0	0.0%	0.8	7,026	0.3	6,735	37.4	9.2	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	75.8	1.9%	1.2	3,852	1.3	3,304	22.9	2.8	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	18.6	1.4%	0.5	474	1.0	445	41.8	1.7	5.9%	3.9%
ACV	Vận tải	78.2	0.6%	0.8	7,402	0.2	2,630	29.7	5.5	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	144.0	0.1%	1.1	3,280	2.7	9,850	14.6	5.6	19.8%	43.3%
HVN	Vận tải	34.9	-1.0%	1.7	2,152	0.5	1,747	20.0	2.7	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	27.4	2.6%	0.8	354	1.0	1,888	14.5	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	16.7	1.5%	0.6	204	0.3	2,435	6.9	1.2	30.6%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	87.6	-1.0%	0.9	597	1.2	7,667	11.4	4.5	2.1%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.2	1.6%	0.8	374	0.1	1,327	14.5	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.0	-0.3%	0.8	265	0.1	1,912	8.4	1.1	6.1%	13.8%
CTD	Xây dựng	83.0	0.2%	0.7	275	0.1	9,842	8.4	0.8	48.7%	9.3%
VCG	Xây dựng	26.5	0.0%	1.1	509	0.2	1,352	19.6	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	24.2	-0.8%	0.5	261	0.2	387	62.6	1.2	52.0%	1.9%
POW	Điện	13.0	-0.4%	0.6	1,324	1.5	820	15.8	1.2	14.3%	7.8%
NT2	Điện	23.3	0.0%	0.6	292	0.1	2,721	8.6	1.6	19.7%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	75.80	1.88	0.48	387600.00
VIC	117.10	0.26	0.30	130200.00
VRE	32.25	1.10	0.24	1.90MLN
HPG	21.85	1.16	0.20	6.90MLN
VPB	22.15	1.14	0.18	5.49MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TIG	4.30	4.88	0.02	617500.00
SHN	9.00	1.12	0.01	25000.00
C69	17.40	9.43	0.01	439900.00
DHT	49.30	1.44	0.01	28600.00
IDV	37.50	2.74	0.01	1400.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	21.45	-0.69	-0.16	1.94MLN
HVN	34.90	-0.99	-0.15	352990.00
PLX	57.20	-0.52	-0.11	158830.00
GAS	101.20	-0.20	-0.11	105640.00
VCB	85.30	-0.12	-0.11	538120.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.50	-1.52	-0.11	2.65MLN
MBG	40.10	-5.20	-0.04	290900.00
DNP	16.50	-2.94	-0.03	2300.00
VCS	87.60	-1.02	-0.03	310800.00
SHS	8.00	-2.44	-0.03	239300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVX	3.21	7.00	0.00	200.00
HVG	3.45	6.81	0.02	2.90MLN
CLG	1.78	6.59	0.00	9080.00
SBV	6.80	6.25	0.00	50.00
MCP	16.95	5.61	0.00	1030.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	25.0	0.00	92000.00
FID	1.10	10.0	0.00	100.00
NGC	5.50	10.0	0.00	900.00
VE2	11.00	10.0	0.00	300.00
KST	15.90	9.7	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PIT	4.28	-6.96	0.00	360.00
TS4	4.15	-6.95	0.00	38740.00
FLC	4.29	-6.94	-0.07	25.46MLN
CMX	19.45	-6.94	-0.01	176270.00
VNL	16.85	-6.91	0.00	10.00

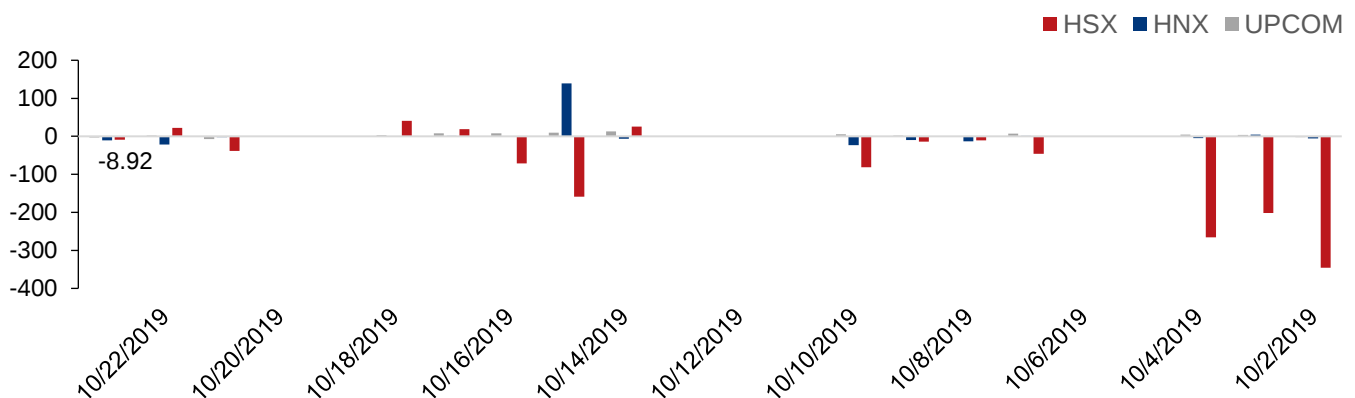
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LUT	2.70	-10.00	0.00	500.00
IVS	11.00	-9.84	-0.02	8800.00
POT	16.50	-9.84	-0.01	200.00
DAD	17.00	-9.09	0.00	100.00
TTZ	3.00	-9.09	0.00	133200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



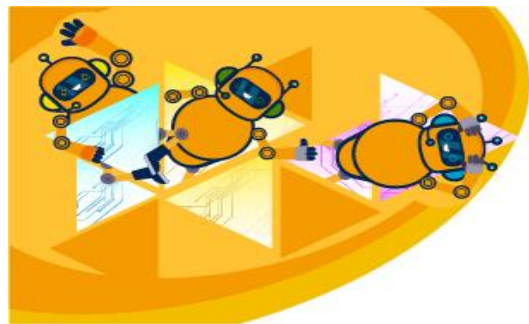
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
9	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
10	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
11	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
16	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	18.6	2,582	7.2	0.9	Click
2	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.5	3,678	10.5	0.7	Click
3	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	75.8	3,304	22.9	2.8	Click
4	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	132.3	5,465	24.2	8.1	Click
5	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.4	2,887	7.8	1.6	Click
6	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	36.3	5,261	6.9	1.2	Click
7	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	77.5	14,958	5.2	1.5	Click
8	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.4	2,076	4.1	0.6	Click
9	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.5	4,469	5.3	1.2	Click
10	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.1	1,098	12.8	1.2	Click
11	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	85.3	5,274	16.2	3.9	Click
12	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.7	1,723	13.7	1.7	Click
13	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.9	3,215	7.1	1.4	Click
14	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	53.4	2,801	19.1	3.1	Click
15	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	27.4	1,888	14.5	1.3	Click
16	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	27.2	3,391	8.0	1.9	Click
17	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	56.4	4,349	13.0	2.9	Click
18	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.6	649	21.0	1.2	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	123.2	7,893	15.6	5.2	Click
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	8/9/2019	84.8	97.2	82.8	4,839	17.1	4.5	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express FPT 2019Q4	3/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 73500; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đã hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm sẽ đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa có nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.
Express CTI 2019Q4	2/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 24650 Về định hướng 3 năm tới Phát triển khu công nghiệp (1 cụm vs 1 khu KCN): (1) Cách ghi nhận: đều từng năm (2) 1 cụm 48 ha ở Tân An Vinh Cầu để #ây dựng cho thuê. Giá cho thuê quanh đó: 55 USD/50 năm. (3) 1 khu 640 ha (đang trình thủ tướng thành 750 ha): mới hoàn thành 14 ha. Năm 2020 đột biến về DT: (1) Ghi nhận doanh thu BOT 319 Nhơn Trạch (2) Ghi nhận dự án Bất động sản Khu dân cư (Lợi nhuận 30%). CTI phụ trách thi công hạ tầng, giao đất, hiện đang tìm đối tác phân phối độc quyền. DT dự kiến ghi nhận là 1,300 tỷ. (3) Dự kiến ghi nhận Nhà ở xã hội: đã bán và đóng thuế tạm tính nhưng chưa ghi nhận doanh thu (330 tỷ - 2 block).
Express CSV 2019Q4	30/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 23450 Kết quả kinh doanh Q3.2019 (1) DT Q3 337 tỷ LNTT 74 tỷ (2) Dự kiến LNTT kế hoạch 2020 250 bil (3) Hoàn thành dự án thay thế điện phân và duy trì được sản lượng ổn định và tăng công suất 10 – 15%. Về giá bán các sản phẩm giá bán vẫn cạnh tranh với xuất nhập khẩu (1) Giá xuất nhập khẩu giảm do dư cung ở thị trường thế giới với mức 12,253,000 VND/tấn với xuất 100%. (2) Giá Axit clo 2,354,000 vnd/tấn +16% YoY. (3) Các sản phẩm khác giá bán duy trì, không thấp hơn so với 2018
Express VHC 2019Q4	27/9/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 79500 Về hoạt động kinh doanh Q4.2019: (1) Giá bán của các thị trường bình ổn như Q3. (2) Hợp đồng ký trong Q4 đã hoàn tất và dự kiến sản lượng ký bán tăng khá nhiều (mùa tiêu thụ như VHC kỳ vọng). (3) Số T7 + T8 giảm (chứ ko tăng như kỳ vọng trước của công ty) do việc đẩy sản lượng Trung Quốc để bù phần của Mỹ không được như kỳ vọng (do văn hóa khác nhau). (4) Các hợp đồng ký cho năm 2020 đang được thương thảo: giá kỳ vọng ổn định
Express ANV 2019Q4	25/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 26200 Về KQKD 9T: (1) Lũy kế 9T, DT đạt 3,105 tỷ (+13.5% YoY), LNTT đạt 594 tỷ (+71.2% YoY). Trong đó, riêng Q3 đạt 1,130 tỷ (+7.4% YoY) và LNTT đạt 185 tỷ (+40% YoY). Như vậy, công ty đã hoàn thành tương ứng 66% KH DT và 72% KH LNTT. (2) Biên LNG mở rộng do (1) tăng tự chủ mảng thức ăn; (2) chi phí đầu vào giảm. Về công suất hoạt động (1) Công suất cá giống: 20,000 cặp cá bố mẹ, tạo ra hơn 20 tỷ con giống/năm. Công ty đang tự chủ 30% nhu cầu con giống, dự kiến tăng lên 70% năm 2020 và 100% năm 2021. (2) Diện tích vùng nuôi: 250ha (+600ha vùng nuôi Bình Phú) -> sản lượng cung cấp tối đa là 320,000 tấn/năm. (3) Công suất nhà máy: Đang hoạt động 400 tấn/1,200 tấn/ngày

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn